

# SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP.HCM

TRƯỜNG THPT VIỆT MỸ ANH

## NỘI DUNG ÔN THI GIỮA HỌC KÌ II MÔN ĐỊA LÍ

### A. PHẦN TRẮC NGHIỆM

**Câu 1.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng khi nói về tác động tích cực của con người đối với sự phát triển và phân bố sinh vật trên Trái Đất?

- A. Con người đã thu hẹp diện tích rừng làm tuyệt chủng nhiều loài động thực vật.
- B. Con người đã biết lai tạo để cho ra nhiều giống mới làm đa dạng thêm giới sinh vật.
- C. Con người đã di cư các loại cây trồng làm thay đổi sự phân bố nguyên thủy.
- D. Con người tiến hành trồng rừng, phủ xanh đất trồng đồi núi trọc.

**Câu 2.** Thực vật có ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố động vật do

- A. thực vật là nguồn cung cấp thức ăn cho nhiều loài động vật.
- B. thực vật là nơi trú ngụ của nhiều loài động vật.
- C. sự phát triển thực vật làm thay đổi môi trường sống của động vật.
- D. sự phát tán một số loài thực vật mang theo một số loài động vật nhỏ.

**Câu 3.** Các loài cây mấm, đước phát triển và phân bố chủ yếu ở vùng nào dưới đây?

- A. Tây Bắc.
- B. Tây Nguyên.
- C. Đồng bằng sông Cửu Long.
- D. Đồng bằng duyên hải miền Trung.

**Câu 4.** Độ cao của địa hình ảnh hưởng tới sự phân bố các vành đai thực vật thông qua sự thay đổi

- A. độ ẩm và lượng mưa.
- B. nhiệt độ và độ ẩm.
- C. lượng mưa và gió.
- D. độ ẩm và khí áp.

**Câu 5.** Khí hậu chuyển từ khô hạn sang ẩm ướt dẫn đến sự biến đổi của dòng chảy, thảm thực vật, thổ nhưỡng là biểu hiện của sự thay đổi các thành phần tự nhiên và cảnh quan theo quy luật nào sau đây?

- A. Thống nhất và hoàn chỉnh lớp vỏ địa lí.
- B. Địa đới.
- C. Địa ô.
- D. Đai cao.

**Câu 6.** Biểu hiện nào dưới đây **không** thể hiện quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí?

- A. Lượng CO<sub>2</sub> trong khí quyển tăng lên, kéo theo nhiệt độ Trái Đất nóng lên.
- B. Những trận động đất lớn trên lục địa gây ra hiện tượng sóng thần.
- C. Rừng đầu nguồn bị mất làm chế độ nước sông trở nên thất thường.
- D. Mùa lũ của sông diễn ra trùng với mùa mưa.

**Câu 7.** Trong tự nhiên, một thành phần thay đổi sẽ dẫn đến sự thay đổi của các thành phần còn lại là biểu hiện của quy luật

- A. Thống nhất và hoàn chỉnh lớp vỏ địa lí.
- B. Địa đới.
- C. Địa ô.
- D. Phi địa đới.

**Câu 8.** Quy luật đai cao là sự thay đổi có tính quy luật của các đối tượng địa lí theo

- A. vĩ độ.
- B. các mùa.
- C. đông tây.
- D. độ cao.

**Câu 9.** Sự thay đổi có quy luật của tất cả các thành phần địa lí và cảnh quan địa lí từ xích đạo đến cực là biểu hiện của quy luật

- A. địa ô.
- B. đai cao.
- C. địa đới.
- D. thống nhất.

**Câu 10.** Biểu hiện rõ rệt của quy luật địa ô là sự thay đổi theo kinh độ của  
A. địa hình. B. thực vật. C. thổ nhưỡng. D. sông ngòi.

**Câu 11.** Nằm giữa các vĩ tuyến  $30^{\circ}\text{B}$  và  $30^{\circ}\text{N}$  là vòng đai nào dưới đây?

- A. Vòng đai lạnh. B. Vòng đai nóng.  
C. Vòng đai ôn hòa. D. Vòng đai băng giá vĩnh cửu.

**Câu 12.** Các đới khí hậu trên Trái Đất từ Xích đạo về cực theo thứ tự nào sau đây?

- A. Nhiệt đới, cận xích đạo, cận cực. B. Xích đạo, nhiệt đới, ôn đới, cực.  
C. Nhiệt đới, xích đạo, ôn đới, cực. D. Cận nhiệt, cận xích đạo, cận cực.

**Câu 13.** Theo hướng từ xích đạo về cực, các kiểu thảm thực vật phân bố theo thứ tự nào sau đây?

- A. Rừng cận nhiệt ẩm, rừng lá rộng, đài nguyên, rừng nhiệt đới.  
B. Rừng nhiệt đới, rừng cận nhiệt ẩm, rừng lá rộng, đài nguyên.  
C. Rừng lá rộng, đài nguyên, rừng cận nhiệt ẩm, rừng nhiệt đới.  
D. Đài nguyên, rừng nhiệt đới, rừng lá rộng, rừng cận nhiệt ẩm.

**Câu 14:** Dân số thế giới tăng hay giảm là do

- A. sinh đẻ và tử vong. B. số trẻ tử vong hằng năm.  
C. số người nhập cư. D. số người xuất cư.

**Câu 15:** Nhân tố nào làm cho tỉ suất sinh cao?

- A. Số người ngoài độ tuổi lao động nhiều. B. Phong tục tập quán lạc hậu.  
C. Kinh tế - xã hội phát triển ở trình độ cao. D. Mức sống cao.

**Câu 16:** Hiệu số giữa tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử thô được gọi là

- A. Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên. B. Gia tăng cơ học.  
C. Số dân trung bình ở thời điểm đó. D. Nhóm dân số trẻ.

**Câu 17:** Nhân tố nào làm cho tỉ suất tử thô trên thế giới giảm?

- A. Chiến tranh gia tăng ở nhiều nước. B. Thiên tai ngày càng nhiều.  
C. Phong tục tập quán lạc hậu. D. Tiến bộ về mặt y tế và khoa học kỹ thuật.

**Câu 18:** Tỉ suất sinh thô là tương quan giữa số trẻ em được sinh ra với

- A. Số trẻ em bị tử vong trong năm. B. Số dân trung bình ở cùng thời điểm.  
C. Số phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ. D. Số phụ nữ trong cùng thời điểm.

**Câu 19:** Sự chênh lệch giữa số người nhập cư và số người xuất cư được gọi là

- A. Gia tăng dân số. B. Gia tăng cơ học.  
C. Gia tăng dân số tự nhiên. D. Quy mô dân số.

**Câu 20:** Tổng số giữa tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên và tỉ suất gia tăng cơ học của một quốc gia, một vùng được gọi là

- A. Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên. B. Cơ cấu sinh học.  
C. Gia tăng dân số. D. Quy mô dân số.

**Câu 21:** Tỉ suất tử thô  $9\ 0/00$  có nghĩa là

- A. trung bình 1000 dân có 9 trẻ em chết.  
B. trung bình 1000 dân có 9 người cao tuổi.  
C. trung bình 1000 dân có 9 người chết.  
D. trung bình 1000 dân có 9 trẻ em có nguy cơ tử vong.

**Câu 22:** Cơ cấu sinh học của dân số gồm cơ cấu theo

- A. lao động và giới tính. B. lao động và theo tuổi.  
C. tuổi và theo giới tính. D. tuổi và trình độ văn hoá.

**Câu 23:** Ý nào sau đây đúng khi nói đến thuận lợi của cơ cấu dân số trẻ?

- A. Nguồn lao động có kinh nghiệm. B. Nguồn lao động dồi dào.

C. Nguồn lao động ngành nghề. D. Nguồn lao động có trình độ rất cao.

**Câu 24:** Cơ cấu dân số già gây hậu quả nào chủ yếu nào sau đây?

A. Tỷ lệ sinh cao. B. Tuổi thọ trung bình thấp.

C. Tỷ lệ tử cao. D. Thiếu nguồn lao động.

**Câu 25:** Dân số hoạt động kinh tế không bao gồm

A. người thất nghiệp. B. người có việc làm.

C. người cao tuổi đang làm việc. D. học sinh và sinh viên

**Câu 26:** Ở các nước đang phát triển phải thực hiện chính sách phát triển dân số hợp lý vì

A. Gia tăng dân số quá nhanh.

B. Mất cân đối giữa tăng trưởng dân số với phát triển kinh tế - xã hội, môi trường.

C. Tình trạng dư thừa lao động.

D. Tỷ lệ phụ thuộc quá lớn tăng thêm gánh nặng phúc lợi xã hội.

**Câu 27.** Ảnh hưởng tiêu cực của đô thị hóa là

A. tạo ra sự thay đổi cơ cấu lao động.

B. gia tăng nạn thất nghiệp ở thành thị.

C. thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

D. thay đổi quá trình sinh, tử và hôn nhân.

**Câu 28.** Đô thị hóa có đặc điểm nào sau đây?

A. Dân cư tập trung vào các thành phố lớn và cực lớn.

B. Hoạt động thuần nông chiếm quỹ thời gian lao động.

C. Hoạt động phi nông nghiệp ở nông thôn giảm mạnh.

D. Dân cư thành thị có tăng nhanh như dân nông thôn.

**Câu 29.** Một trong những biểu hiện của quá trình đô thị hóa là

A. dân nông thôn ra thành phố làm việc nhiều.

B. lối sống đô thị ngày càng phổ biến rộng rãi.

C. dân cư tập trung chủ yếu ở thành phố nhỏ.

D. dân cư thành thị có xu hướng về nông thôn.

**Câu 30.** Hậu quả của đô thị hóa tự phát là

A. làm thay đổi tỷ lệ sinh tử ở đô thị.

B. làm thay đổi sự phân bố dân cư.

C. ách tắc giao thông, ô nhiễm nước.

D. làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**Câu 31.** Đại bộ phận dân cư thế giới tập trung ở

A. châu Á.

B. châu Mỹ.

C. châu Phi.

D. châu Phi.

**Câu 32.** Nhân tố quyết định nhất tới sự phân bố dân cư là do

A. trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

B. tác động của các loại đất, sự phân bố của đất.

C. các yếu tố của khí hậu (nhiệt, mưa, ánh sáng).

D. nguồn cung cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất.

**Câu 33.** Nhận định nào dưới đây **không** phải là ảnh hưởng tiêu cực của đô thị hóa?

A. Tình trạng thất nghiệp ở thành thị ngày càng tăng.

B. Làm cho nông thôn mất đi nguồn nhân lực lớn.

C. Tỷ lệ dân số thành thị tăng lên một cách tự phát.

D. Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động.

**Câu 34.** Vùng Xibia của Nga dân ít, mật độ dân số rất thấp là do tác động của nhân tố nào sau đây?

A. Băng tuyết.

B. Rừng rậm.

C. Núi cao.

D. Hoang mạc.

**Câu 35.** Đô thị hoá được xem là quá trình tiến bộ của xã hội khi

- A. nâng cao tỷ lệ dân thành thị. B. sản phẩm hàng hóa đa dạng.  
 C. xuất hiện nhiều đô thị lớn. D. phù hợp với công nghiệp hoá.

**B. PHẦN TỰ LUẬN**

1. Tính mật độ dân số, tỉ lệ dân thành thị.
2. Vẽ biểu đồ cột thể hiện mật độ dân số của các quốc gia và khu vực.
3. Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi.

**C. BÀI TẬP**

**DẠNG 1:** Dựa vào bảng dưới đây, hãy tính mật độ dân số, vẽ biểu đồ và nhận xét.

**Bài 1:**

**DIỆN TÍCH VÀ SỐ DÂN CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2020**

Quốc gia	Ca-na-da	Anh	In-đô-nê-xi-a	Ê-ti-ô-pi-a
Diện tích (triệu km <sup>2</sup> )	9,9	0,24	1,9	1,1
Dân số (triệu người)	38,54	66,63	280,49	122,29

**Bài 2:**

**DIỆN TÍCH VÀ SỐ DÂN CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2020**

Quốc gia	Cam-pu-chia	In-đô-nê-xi-a	Phi-lip-pin	Mi-an-ma
Diện tích (nghìn km <sup>2</sup> )	176,5	1877,5	298,2	652,8
Số dân (triệu người)	16,7	273,6	109,6	54,4

**DẠNG 2:** Dựa vào bảng dưới đây, hãy tính tỉ lệ dân thành thị/ nông thôn

**TỔNG SỐ DÂN, SỐ DÂN THÀNH THỊ CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A VÀ THÁI LAN  
NĂM 2000 VÀ NĂM 2020**

**Bài 3:**

(Đơn vị: Triệu người)

Năm	In-đô-nê-xi-a		Thái Lan	
	Tổng số dân	Số dân thành thị	Tổng số dân	Số dân thành thị
2000	211,5	88,6	62,9	19,8
2020	273,5	154,2	69,8	35,7

**Bài 4:**

**DÂN SỐ NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1995 - 2014 (Đơn vị: Triệu người)**

Năm	Tổng số dân	Số dân thành thị
1995	72,0	14,9
2000	77,6	18,7
2005	82,4	22,3
2010	86,9	26,5
2014	90,7	30,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê 2016)